



Công ty Cổ phần Dược Danapha

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

3203001246
0400102091
0400102091
0400102091
0400102091

ngày 20 tháng 12 năm 2006
ngày 14 tháng 9 năm 2010
ngày 17 tháng 5 năm 2011
ngày 6 tháng 11 năm 2013
ngày 8 tháng 5 năm 2015

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0400102091
0400102091

ngày 25 tháng 8 năm 2015
ngày 9 tháng 5 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Trị
Ông Mai Đăng Đầu
Ông Phạm Khắc Hà
Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ
Bà Nguyễn Thị Liên Hoa
Ông Lại Tiến Mạnh
Ông Nguyễn Đức Sơn
Ông Trương Công Trị

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Trị
Ông Mai Đăng Đầu
Ông Dương Chí Toàn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

253 Dũng Sĩ Thanh Khê
Quận Thanh Khê
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược Danapha **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thành phố Đà Nẵng, ngày 29 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dược Danapha

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-574




Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 483.758.217.772 | 453.539.467.112 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 20.694.129.643 | 58.607.172.757 |
| Tiền | 111 | | 19.359.407.985 | 28.607.172.757 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.334.721.658 | 30.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 337.180.265.291 | 282.274.861.379 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 290.990.125.334 | 255.452.359.793 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 44.495.486.318 | 31.522.680.312 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 8.072.090.065 | 1.377.257.700 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 137 | 8 | (6.377.436.426) | (6.077.436.426) |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 121.606.041.894 | 105.865.575.682 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 122.378.137.978 | 107.754.471.039 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (772.096.084) | (1.888.895.357) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.277.780.944 | 6.791.857.294 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3.927.385.079 | 6.435.695.459 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 | | 350.395.865 | 356.161.835 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 204.964.690.092 | 180.578.339.210 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 6.500.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | 6.500.000.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 165.984.260.555 | 117.802.101.009 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 121.785.178.542 | 75.764.849.476 |
| Nguyên giá | 222 | | 268.722.186.075 | 206.507.953.155 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (146.937.007.533) | (130.743.103.679) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 44.199.082.013 | 42.037.251.533 |
| Nguyên giá | 228 | | 44.199.082.013 | 42.037.251.533 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 7.240.153.130 | 23.916.227.781 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 7.240.153.130 | 23.916.227.781 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 13 | 15.473.000.000 | 16.243.750.260 |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | 252 | | 8.820.000.000 | 8.820.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 6.800.000.000 | 8.375.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (147.000.000) | (951.249.740) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 16.267.276.407 | 16.116.260.160 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 16.267.276.407 | 16.116.260.160 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 688.722.907.864 | 634.117.806.322 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 290.786.628.337 | 341.154.021.309 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 273.538.593.391 | 314.865.749.178 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 18.050.346.481 | 32.397.238.866 |
| Người mua trả tiền trước | 312 | | 19.527.551.386 | 10.266.677.153 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 3.422.599.651 | 1.082.535.991 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 17.086.630.845 | 23.879.286.615 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 9.680.665.132 | 12.265.860.151 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 3.436.390.881 | 68.926.929.155 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 19(a) | 201.242.306.203 | 157.834.338.298 |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 322 | 20 | 1.092.102.812 | 8.212.882.949 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 17.248.034.946 | 26.288.272.131 |
| Vay dài hạn | 338 | 19(b) | 17.248.034.946 | 26.288.272.131 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | | 397.936.279.527 | 292.963.785.013 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 397.305.809.966 | 291.954.353.632 |
| Vốn cổ phần | 411 | 22 | 130.200.000.000 | 97.650.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 130.200.000.000 | 97.650.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 87.632.500.000 | 81.232.500.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 23 | 113.071.853.632 | 113.071.853.632 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 66.401.456.334 | - |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 66.401.456.334 | - |
| Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 430 | 21 | 630.469.561 | 1.009.431.381 |
| Nguồn kinh phí | 431 | | 474.181.416 | 806.270.600 |
| Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | 156.288.145 | 203.160.781 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 688.722.907.864 | 634.117.806.322 |

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2017 VND | 2016 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 01 | 25 | 470.517.052.691 | 492.582.209.818 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 25 | 3.170.146.952 | 2.428.986.175 |
| Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02) | 10 | 25 | 467.346.905.739 | 490.153.223.643 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 26 | 239.838.869.393 | 264.683.717.369 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 227.508.036.346 | 225.469.506.274 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 27 | 2.749.872.581 | 4.599.475.410 |
| Chi phí tài chính | 22 | 28 | 13.675.651.257 | 10.812.971.498 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 12.737.239.347 | 10.534.646.168 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 29 | 79.863.369.521 | 91.850.974.656 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 30 | 54.092.173.983 | 52.519.474.582 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 82.626.714.166 | 74.885.560.948 |
| Thu nhập khác | 31 | | 432.376.153 | 580.026.716 |
| Chi phí khác | 32 | | 47.064.035 | 116.948.403 |
| Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 385.312.118 | 463.078.313 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 83.012.026.284 | 75.348.639.261 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 32 | 16.610.569.950 | 12.846.550.704 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | | 66.401.456.334 | 62.502.088.557 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 33 | 4.621 | 5.584 |

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | 2017 VND | 2016 VND |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 83.012.026.284 | 75.348.639.261 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 17.309.382.633 | 17.703.862.273 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (968.082.992) | 5.721.744.930 |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 405.404.100 | (1.999.955.426) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (2.591.105.325) | (2.563.637.535) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 14.016.639.347 | 10.534.646.168 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 111.184.264.047 | 104.745.299.671 |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản khác | 09 | (46.501.776.727) | (130.699.360.209) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (15.276.632.960) | (14.430.654.086) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | (63.964.669.561) | 34.605.503.217 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | (151.016.247) | 1.192.388.640 |
| | | (14.709.831.448) | (4.586.822.767) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (14.409.338.018) | (9.863.468.824) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (14.411.650.797) | (14.550.000.000) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 320.000.000 | 850.000.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (7.819.741.957) | (13.729.014.172) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (51.030.562.220) | (41.879.305.763) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (48.815.467.528) | (39.743.358.563) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | 430.000.000 | 550.000.000 |
| Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng | 24 | - | 20.000.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (3.375.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | 1.750.000.000 | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | 1.986.105.325 | 2.048.266.203 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (44.649.362.203) | (20.520.092.360) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | 2017 VND | 2016 VND |
|--|-----------|-------------------------|-----------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 31 | 38.950.000.000 | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 330.029.010.831 | 239.300.182.731 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (295.661.280.111) | (152.313.929.602) |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | (15.610.600.111) | (14.132.460.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 57.707.130.609 | 72.853.793.129 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (37.972.793.814) | 10.454.395.006 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 58.607.172.757 | 48.156.130.533 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 59.750.700 | (3.352.782) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5) | 70 | 20.694.129.643 | 58.607.172.757 |

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền
 Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
 Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trị
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ việc cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc và hóa dược.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 502 nhân viên (1/1/2017: 427 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 6 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Chi phí nâng cấp nhà xưởng

Chi phí nâng cấp nhà xưởng được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 năm đến 2 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(n) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý (Việt Nam và nước ngoài).

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.072.960.856 | 1.454.606.733 |
| Tiền gửi ngân hàng | 18.286.447.129 | 27.152.566.024 |
| Các khoản tương đương tiền | 1.334.721.658 | 30.000.000.000 |
| ... Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ | <u>20.694.129.643</u> | <u>58.607.172.757</u> |

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Danson – BG EOOD | 175.683.289.068 | 125.840.992.183 |
| Công ty TNHH Dược Kim Đô | 34.389.575.493 | 20.502.703.165 |
| Các khách hàng khác | 80.917.260.773 | 109.108.664.445 |
| | <u>290.990.125.334</u> | <u>255.452.359.793</u> |

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng | 851.798.687 | 3.669.317.735 |
| Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome | 153.601.098 | 104.791.238 |

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|-----------------|----------------------------|----------------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 1.181.669.704 | 981.001.693 |
| Ký quỹ ngắn hạn | 6.692.666.407 | 145.140.407 |
| Khác | 197.753.954 | 251.115.600 |
| ... | | |
| | <hr/> 8.072.090.065 | <hr/> 1.377.257.700 |

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu khó đòi

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | | | | | |
|---|-----------------|-----------------------|------------------------|----------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|----------------------------|
| | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn | | | | | | | | |
| Danson - BG EOOD | 1 - 140 | 49.811.503.195 | (3.270.410.255) | 46.541.092.940 | 1 - 321 | 10.260.332.620 | (2.793.612.409) | 7.466.720.211 |
| Công ty TNHH Dược phẩm Bái Tử Long | 2.033 - 2.060 | 200.000.000 | (200.000.000) | - | 1.668 - 1.695 | 200.000.000 | (200.000.000) | - |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Hưng Yên – Chi nhánh Khoái Châu | 2.102 | 148.985.733 | (148.985.733) | - | 1.737 | 148.985.733 | (148.985.733) | - |
| Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang | 2.044 - 2.102 | 136.922.982 | (136.922.982) | - | 1.679 - 1.737 | 136.922.982 | (136.922.982) | - |
| Các khách hàng khác | 181 - 2.192 | 7.786.527.676 | (2.621.117.456) | 5.165.410.220 | 181 - 1.827 | 18.666.103.745 | (2.797.915.302) | 15.868.188.443 |
| | | <u>58.083.939.586</u> | <u>(6.377.436.426)</u> | <u>51.706.503.160</u> | | <u>29.412.345.080</u> | <u>(6.077.436.426)</u> | <u>23.334.908.654</u> |

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

| | 2017 VND | 2016 VND |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 6.077.436.426 | 1.681.659.717 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 300.000.000 | 4.395.776.709 |
| Số dư cuối năm | <u>6.377.436.426</u> | <u>6.077.436.426</u> |

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 63.562.346.170 | (30.318.686) | 62.941.153.453 | (725.580.393) |
| Công cụ và dụng cụ | 294.772.924 | (232.325.119) | 60.176.847 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 2.593.223.793 | - | 7.182.164.119 | - |
| Thành phẩm | 55.613.069.005 | (509.452.279) | 36.917.615.417 | (1.163.314.964) |
| Hàng hóa | 314.726.086 | - | 653.361.203 | - |
| | <u>122.378.137.978</u> | <u>(772.096.084)</u> | <u>107.754.471.039</u> | <u>(1.888.895.357)</u> |

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 772 triệu VND (1/1/2017: 1.889 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 121.606 triệu VND (1/1/2017: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | 2017 VND | 2016 VND |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.888.895.357 | 1.378.244.659 |
| Trích lập dự phòng trong năm | - | 1.325.968.221 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (463.833.252) | - |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (652.966.021) | (815.317.523) |
| Số dư cuối năm | <u>772.096.084</u> | <u>1.888.895.357</u> |

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tổng cộng VND |
|--|------------------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 77.768.852.586 | 118.628.778.454 | 10.110.322.115 | 206.507.953.155 |
| Tăng trong năm | 14.318.373.881 | 13.178.039.495 | 1.839.118.183 | 29.335.531.559 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 33.994.180.140 | - | - | 33.994.180.140 |
| Thanh lý | - | - | (1.115.478.779) | (1.115.478.779) |
| Số dư cuối năm | 126.081.406.607 | 131.806.817.949 | 10.833.961.519 | 268.722.186.075 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 41.341.385.897 | 84.043.281.760 | 5.358.436.022 | 130.743.103.679 |
| Khấu hao trong năm | 6.299.956.119 | 9.754.865.619 | 1.254.560.895 | 17.309.382.633 |
| Thanh lý | - | - | (1.115.478.779) | (1.115.478.779) |
| Số dư cuối năm | 47.641.342.016 | 93.798.147.379 | 5.497.518.138 | 146.937.007.533 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 36.427.466.689 | 34.585.496.694 | 4.751.886.093 | 75.764.849.476 |
| Số dư cuối năm | 78.440.064.591 | 38.008.670.570 | 5.336.443.381 | 121.785.178.542 |

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản nguyên giá 97.874 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 73.795 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 18.194 triệu VND (1/1/2017: 11.554 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất VND |
|------------------------|----------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm | 42.037.251.533 |
| Tăng trong năm | 2.161.830.480 |
| | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 44.199.082.013 |
| | <hr/> |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 42.037.251.533 |
| Số dư cuối năm | 44.199.082.013 |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm | 23.916.227.781 | 1.730.429.443 |
| Tăng trong năm | 17.318.105.489 | 26.306.206.872 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (33.994.180.140) | (4.120.408.534) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 7.240.153.130 | 23.916.227.781 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|---------------------------|-------------------------|
| Phí khảo sát địa chất và lắp đặt ban đầu cho nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Tân Tạo – Thành phố Hồ Chí Minh | - | 22.918.456.872 |
| Nhà máy dược công nghệ cao | 6.130.591.363 | - |
| Các công trình khác | 1.109.561.767 | 997.770.909 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 7.240.153.130 | 23.916.227.781 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 6.131 triệu VND (1/1/2017: 22.918 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 477 triệu VND (2016: Không).

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2017 | | | | 1/1/2017 | | | | | | | |
|--|-------------------|-----------------|--------------------|-------------------------------------|---------------|--------------------|-----------------|--------------------|-------------------------------------|---------------|--------------------|--|
| | Địa chỉ | Số lượng sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Số lượng sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | |
| Đầu tư góp vốn vào: | | | | | | | | | | | | |
| Công ty liên kết | | | | | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome (*) | Đà Nẵng, Việt Nam | 882.000 | 49% | 8.820.000.000 | (147.000.000) | (**) | 882.000 | 49% | 8.820.000.000 | (951.249.740) | (**) | |
| Đơn vị khác | | | | | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng | Đà Nẵng, Việt Nam | 630.000 | 7% | 6.800.000.000 | - | (**) | 630.000 | 7% | 6.800.000.000 | - | (**) | |
| Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty cổ phần | Đà Nẵng, Việt Nam | - | - | - | - | (**) | 100.000 | 0,04% | 1.575.000.000 | - | (**) | |
| | | | | <u>15.620.000.000 (147.000.000)</u> | | <u>(**)</u> | | | <u>17.195.000.000 (951.249.740)</u> | | <u>(**)</u> | |

(*) Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome là công ty cổ phần được thành lập theo giấy Chứng nhận Đầu tư số 321032000092 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2009. Các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho dược phẩm.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hay Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước dài hạn**

| | Chi phí đất trả trước VND | Chi phí quảng cáo VND | Chi phí nâng cấp nhà xưởng VND | Tổng cộng VND |
|-------------------|--|--------------------------------------|---|--------------------------|
| Số dư đầu năm | 16.116.260.160 | - | - | 16.116.260.160 |
| Tăng trong năm | 356.400.000 | 920.000.000 | 1.657.171.800 | 2.933.571.800 |
| Phân bổ trong năm | (658.088.640) | (920.000.000) | (1.204.466.913) | (2.782.555.553) |
| Số dư cuối năm | 15.814.571.520 | - | 452.704.887 | 16.267.276.407 |

15. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|--|------------------------|--|------------------------|--|
| | Giá gốc VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá gốc VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Công ty TNHH Quảng cáo và Sản xuất Bao bì An Đức | 5.355.877.164 | 5.355.877.164 | 7.573.905.984 | 7.573.905.984 |
| Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Hung Thịnh | 1.085.340.000 | 1.085.340.000 | 5.204.320.000 | 5.204.320.000 |
| Công ty TNHH Aceto Pte | 241.900.400 | 241.900.400 | 1.157.478.000 | 1.157.478.000 |
| Nhà thuốc Thành Phát | 1.849.512.500 | 1.849.512.500 | 1.532.401.000 | 1.532.401.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 9.517.716.417 | 9.517.716.417 | 16.929.133.882 | 16.929.133.882 |
| | 18.050.346.481 | 18.050.346.481 | 32.397.238.866 | 32.397.238.866 |

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Thuế phải nộp Nhà nước**

| | 1/1/2017 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp trong năm/Cán trừ VND | 31/12/2017 VND |
|----------------------------|-----------------|---------------------------------|---------------------------------------|-------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 566.707.489 | 16.610.569.950 | (14.411.650.797) | 2.765.626.642 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 515.828.502 | 4.642.710.942 | (4.506.103.393) | 652.436.051 |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 16.011.746.590 | (16.011.746.590) | - |
| ... Các loại thuế khác | - | 4.536.958 | - | 4.536.958 |
| | 1.082.535.991 | 37.269.564.440 | (34.929.500.780) | 3.422.599.651 |

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Hoa hồng cho đại lý và nhà phân phối | 5.892.967.468 | 11.186.354.134 |
| Phí dịch vụ chuyên môn | - | 204.436.546 |
| Chi phí lãi vay | 482.370.800 | 875.069.471 |
| Chi phí tiếp thị | 3.305.326.864 | - |
| | 9.680.665.132 | 12.265.860.151 |

18. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Tạm ứng từ một cổ đông cho một hợp đồng hợp tác kinh doanh (*) | - | 50.000.000.000 |
| Cổ tức phải trả | 3.195.964.889 | 18.806.565.000 |
| Kinh phí công đoàn | 110.967.016 | 98.009.600 |
| Phải trả khác | 129.458.976 | 22.354.555 |
| | 3.436.390.881 | 68.926.929.155 |

(*) Số dư này thể hiện khoản tạm ứng từ một cổ đông cho một hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến việc sản xuất và bán dược phẩm. Khoản tạm ứng này chịu chi phí được xác định dựa trên kết quả tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh trong năm.

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Các khoản vay****(a) Vay ngắn hạn**

| | 1/1/2017 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND | Biến động trong năm | | 31/12/2017 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND |
|--------------------------------|---|---------------------|-------------------|---|
| | | Tăng VND | Giảm VND | |
| Vay ngắn hạn | 151.214.338.298 | 305.442.069.885 | (264.889.645.480) | 191.766.762.703 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (b) | 6.620.000.000 | 33.627.178.131 | (30.771.634.631) | 9.475.543.500 |
| | 157.834.338.298 | 339.069.248.016 | (295.661.280.111) | 201.242.306.203 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|--------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| Vay ngân hàng từ: | | | | |
| ▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng | VND | 5,3% - 5,5% | 74.144.069.964 | 52.108.504.315 |
| ▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng | VND | 5,3% - 5,7% | 73.059.741.883 | 99.105.833.983 |
| ▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng | VND | 5,1% - 5,5% | 10.562.950.856 | - |
| Vay từ các cá nhân | VND | 7,37% | 34.000.000.000 | - |
| | | | 191.766.762.703 | 151.214.338.298 |

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ 7.945 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 11.554 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Vay dài hạn | 26.723.578.446 | 32.908.272.131 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (9.475.543.500) | (6.620.000.000) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 17.248.034.946 | 26.288.272.131 |
| | <hr/> | <hr/> |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|--------------|-----------------|----------------|-------------------|-----------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (i) | VND | 7,2% | 2022 | 16.616.179.300 | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (ii) | VND | 7,4% - 9,3% | 2022 | 4.187.757.500 | 32.908.272.131 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (iii) | VND | 9,9% | 2020 | 5.919.641.646 | - |
| | | | | <hr/> | <hr/> |
| | | | | 26.723.578.446 | 32.908.272.131 |
| | | | | <hr/> | <hr/> |

- (i) Khoản vay này có hạn mức là 23.782 triệu VND và được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty có giá trị ghi sổ là 121.606 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: Không) (Thuyết minh 9). Khoản vay này được trả hàng quý.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức là 556.500 USD hoặc số tiền tương đương VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 10.249 triệu VND (Thuyết minh 10) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 22.918 triệu VND). Khoản vay này được trả hàng quý.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức là 6.168 triệu VND và được đảm bảo bằng xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 6.131 triệu VND (Thuyết minh 12) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: Không). Khoản vay này được trả hàng quý.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

| | 2017 | 2016 |
|---------------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 8.212.882.949 | 6.965.257.230 |
| Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối | - | 7.970.918.965 |
| Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi | (7.120.780.137) | (6.723.293.246) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 1.092.102.812 | 8.212.882.949 |

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng vốn chủ sở hữu VND | Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND | Tổng cộng VND |
|--|-----------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 97.650.000.000 | 81.232.500.000 | 78.070.684.040 | - | 256.953.184.040 | 665.152.307 | 257.618.336.347 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 62.502.088.557 | 62.502.088.557 | - | 62.502.088.557 |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển | - | - | 35.001.169.592 | (35.001.169.592) | - | - | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | (7.970.918.965) | (7.970.918.965) | - | (7.970.918.965) |
| Cổ tức | - | - | - | (19.530.000.000) | (19.530.000.000) | - | (19.530.000.000) |
| Tăng nguồn quỹ | - | - | - | - | - | 850.000.000 | 850.000.000 |
| Sử dụng quỹ | - | - | - | - | - | (505.720.926) | (505.720.926) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 97.650.000.000 | 81.232.500.000 | 113.071.853.632 | - | 291.954.353.632 | 1.009.431.381 | 292.963.785.013 |
| Phát hành cổ phiếu (i) | 32.550.000.000 | 6.400.000.000 | - | - | 38.950.000.000 | - | 38.950.000.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 66.401.456.334 | 66.401.456.334 | - | 66.401.456.334 |
| Tăng nguồn quỹ | - | - | - | - | - | 320.000.000 | 320.000.000 |
| Sử dụng quỹ | - | - | - | - | - | (698.961.820) | (698.961.820) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 130.200.000.000 | 87.632.500.000 | 113.071.853.632 | 66.401.456.334 | 397.305.809.966 | 630.469.561 | 397.936.279.527 |

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Thặng dư vốn cổ phần phát sinh trong năm bao gồm:

| | VND |
|--|---------------|
| Tổng thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành | 6.510.000.000 |
| Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu | (110.000.000) |
| | 6.400.000.000 |

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|---------------------------------------|-------------|-----------------|-------------|----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 13.020.000 | 130.200.000.000 | 9.765.000 | 97.650.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 13.020.000 | 130.200.000.000 | 9.765.000 | 97.650.000.000 |
| Số cổ phiếu hiện đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 13.020.000 | 130.200.000.000 | 9.765.000 | 97.650.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, chi tiết các cổ đông của Công ty như sau:

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|----------------------------|-------------|---------|-------------|---------|
| | Số cổ phiếu | % | Số cổ phiếu | % |
| Tổng Công ty Dược Việt Nam | 3.888.166 | 29,86% | 2.916.125 | 29,86% |
| Ông Nguyễn Quốc Thắng | 3.563.426 | 27,37% | 2.672.570 | 27,37% |
| Bà Nguyễn Thị Minh Phượng | 791.666 | 6,08% | 593.750 | 6,08% |
| Các cổ đông khác | 4.776.742 | 36,69% | 3.582.555 | 36,69% |
| | 13.020.000 | 100,00% | 9.765.000 | 100,00% |

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

| | 2017 | | 2016 | |
|------------------------------|-------------|-----------------|-------------|----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm | 9.765.000 | 97.650.000.000 | 9.765.000 | 97.650.000.000 |
| Phát hành cổ phiếu trong năm | 3.255.000 | 32.550.000.000 | - | - |
| Số dư cuối năm | 13.020.000 | 130.200.000.000 | 9.765.000 | 97.650.000.000 |

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 1.338.850.150 | 1.176.209.405 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 4.384.138.673 | 3.414.608.879 |
| Sau năm năm | 19.893.926.638 | 3.947.215.325 |
| | 25.616.915.461 | 8.538.033.609 |

(b) Ngoại tệ

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|-----|------------|---------------------|-----------|---------------------|
| | Nguyên tệ | Trương đương VND | Nguyên tệ | Trương đương VND |
| USD | 45.581 | 1.031.466.775 | 431.491 | 9.788.026.519 |
| EUR | 306.300 | 8.269.803.150 | - | - |

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 65.118.355.560 | 23.918.349.240 |
| ... Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | - | 46.893.287.400 |
| | <hr/> 65.118.355.560 | <hr/> 70.811.636.640 <hr/> |

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2017 VND | 2016 VND |
|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán hàng | 470.517.052.691 | 492.582.209.818 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (3.170.146.952) | (2.428.986.175) |
| Doanh thu thuần | <hr/> 467.346.905.739 | <hr/> 490.153.223.643 <hr/> |

26. Giá vốn hàng bán

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Giá vốn hàng bán bao gồm: | | |
| ▪ Thành phẩm đã bán | 240.036.312.619 | 263.198.621.865 |
| ▪ Hàng hóa đã bán | 266.390.026 | 159.127.283 |
| ▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (463.833.252) | 1.325.968.221 |
| | <hr/> 239.838.869.393 | <hr/> 264.683.717.369 <hr/> |

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Thu nhập từ tiền lãi | 1.031.702.585 | 2.048.266.203 |
| Thu nhập từ cổ tức | 954.402.740 | - |
| Lãi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 175.000.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 588.767.256 | 551.253.781 |
| ... Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 1.999.955.426 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 2.749.872.581 | 4.599.475.410 |

28. Chi phí tài chính

| | 2017 VND | 2016 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 12.737.239.347 | 7.548.714.661 |
| Chi phí lãi vay cho một hợp đồng hợp tác kinh doanh | 1.279.400.000 | 2.985.931.507 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | (804.249.740) | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 57.857.550 | 278.325.330 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 405.404.100 | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 13.675.651.257 | 10.812.971.498 |

29. Chi phí bán hàng

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lương và các chi phí liên quan | 26.478.613.583 | 28.558.662.223 |
| Chi phí vật liệu | 2.524.584.641 | 2.056.730.296 |
| Công cụ và dụng cụ | 9.318.500 | 27.873.398 |
| Chi phí khấu hao | 1.108.289.872 | 942.739.806 |
| Phí bảo lãnh ngân hàng | 752.269.768 | 688.140.887 |
| Chi phí vận chuyển, bốc xếp | 4.378.626.034 | 4.754.413.438 |
| Chi phí quảng cáo và tiếp thị | 12.506.991.375 | 12.347.627.953 |
| Chi phí hoa hồng | 31.139.597.861 | 38.156.657.259 |
| Chi phí khác | 965.077.887 | 4.318.129.396 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 79.863.369.521 | 91.850.974.656 |

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | 2017 | 2016 |
|--------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Lương và các chi phí liên quan | 27.316.115.725 | 28.979.711.542 |
| Chi phí vật liệu | 5.645.534.925 | 4.905.890.990 |
| Công cụ và dụng cụ | 81.891.300 | 62.437.095 |
| Chi phí khấu hao | 7.050.420.635 | 5.130.940.900 |
| Phí ngân hàng | 259.804.818 | 233.530.802 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.781.773.159 | 5.466.830.311 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 300.000.000 | 4.395.776.709 |
| Chi phí khác | 3.656.633.421 | 3.344.356.233 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 54.092.173.983 | 52.519.474.582 |

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2017 | 2016 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 247.708.313.535 | 272.465.971.536 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 74.253.572.853 | 78.107.677.793 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 17.309.382.633 | 17.703.862.273 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 19.637.683.994 | 19.837.250.137 |
| Chi phí khác | 72.223.715.465 | 78.564.860.522 |
| | <hr/> | <hr/> |

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

| | 2017 | 2016 |
|------------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 16.610.569.950 | 12.846.550.704 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 83.012.026.284 | 75.348.639.261 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 16.602.405.257 | 12.809.268.674 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 199.045.241 | 23.389.681 |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác | - | 13.892.349 |
| Thu nhập được miễn thuế | (190.880.548) | - |
| Chi phí thuế thu nhập | 16.610.569.950 | 12.846.550.704 |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng mức thuế suất thông thường. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 20% và xuống 17% trong năm 2016. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bằng mức thuế suất thông thường là 20%.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông là 57.935.283.079 VND (2016: 54.531.169.592 VND), và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 12.538.438 (2016: 9.765.000), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2017 VND | 2016 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 66.401.456.334 | 62.502.088.557 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (i) | (8.466.173.255) | (7.970.918.965) |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 57.935.283.079 | 54.531.169.592 |

- (i) Khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm 2017 được ước tính dựa trên tỷ lệ 12,75% lợi nhuận sau thuế của năm 2017 và tỷ lệ phân bổ này được dựa trên kế hoạch dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và tỷ lệ phân bổ thực tế trong kỳ kế toán năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2017 Cổ phiếu | 2016 Cổ phiếu |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành vào đầu năm | 9.765.000 | 9.765.000 |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | 2.773.438 | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 | 12.538.438 | 9.765.000 |

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--------------------------|-------------|-------------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 4.621 | 5.584 |

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|---------------|
| | 2017 VND | 2016 VND |
| Tổng Công ty Dược Việt Nam – cổ đông lớn | | |
| Cổ tức | - | 5.832.250.000 |
| Lãi cho một hợp đồng hợp tác kinh doanh | 1.279.400.000 | 2.985.931.507 |
| Mua cổ phần | - | 1.575.000.000 |
| Chuyển nhượng cổ phần | 1.750.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng | | |
| Bán hàng hóa | 5.507.941.872 | 8.047.645.648 |
| Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome | | |
| Bán hàng hóa | 324.652.010 | 95.264.752 |
| Mua hàng hóa | 3.484.800 | - |
| Thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | | |
| Tiền lương, thù lao và trợ cấp | 4.449.612.155 | 4.947.090.276 |

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trí
Tổng Giám đốc

